

Số: *96* /TB-UBND

*Nghĩa Lộ, ngày 3 tháng 7 năm 2019*

**THÔNG BÁO**

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
thị xã Nghĩa Lộ 6 tháng đầu năm 2019**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ thông báo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã Nghĩa Lộ 6 tháng đầu năm 2019, chi tiết các phụ biểu kèm theo thông báo này.

Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ trân trọng thông báo./.

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng cấp ủy và chính quyền thị xã;
- Các cơ quan, ban, ngành đoàn thể thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Toà án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, TCKH.





Biểu số 93/CK-NSNN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**  
(Kèm theo Thông báo số 26/TB-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã Nghĩa Lộ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện 6 tháng với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+III)</b>	<b>81.000</b>	<b>40.050</b>	<b>49,4</b>	<b>124,5</b>
I	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>35.000</b>	<b>23.162</b>	<b>66,2</b>	<b>140</b>
1	Thu nội địa	35.000	23.162	66,2	
2	Thu viện trợ				
(II)	(Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang)		35.150		
III	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>46.000</b>	<b>16.888</b>	<b>36,7</b>	<b>108,1</b>
B	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>219.563</b>	<b>98.307</b>	<b>44,8</b>	<b>101</b>
I	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>195.874</b>	<b>83.984</b>	<b>42,9</b>	<b>95</b>
1	Chi đầu tư phát triển	49.710	15.739	31,7	70
2	Chi thường xuyên	143.087	68.029	47,5	104
3	Dự phòng ngân sách	3.077		-	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		216		
II	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>20.689</b>	<b>14.323</b>	<b>69,2</b>	<b>156</b>



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**  
(Kèm theo Thông báo số 96 /TB-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã Nghĩa Lộ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>81.000</b>			
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>81.000</b>	<b>40.050</b>	<b>49,4</b>	<b>124,5</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		96		
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.000	8.158	54,4	103,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.000	3.254	65,1	138,3
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	7.500	2.907	38,8	92,2
7	Thu phí, lệ phí	2.300	1.975	85,9	162,7
8	Các khoản thu về nhà, đất	47.100	21.171	44,9	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	300	302	100,7	239,7
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	46.000	16.888	36,7	108,1
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	800	3.981	497,6	642,1
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	4.100	2.489	60,7	206,9
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang</b>		<b>39.599</b>		
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>				
1	Từ các khoản thu phân chia		1.387		
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%		34.513		



Biểu số 95/CK-NSNN

**THỰC TIỄN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**  
(Kèm theo Thông báo số 96/TB-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2019 của UBND thị xã Nghia Lô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>219.563</b>	<b>98.307</b>	<b>45</b>	<b>101</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>198.874</b>	<b>83.768</b>	<b>42</b>	<b>95</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>50.710</b>	<b>15.739</b>	<b>31</b>	<b>70</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	<b>50.710</b>	<b>15.739</b>	<b>31</b>	
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>145.087</b>	<b>68.029</b>	<b>47</b>	<b>104</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.802	29.789	46	100
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	8.552	4.179	49	97
4	Chi văn hóa thông tin	1.812	555	31	53
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.618	624	39	85
6	Chi thể dục thể thao	495	178	36	59
7	Chi bảo vệ môi trường	5.349	1.468	27	75
8	Chi hoạt động kinh tế	6.567	3.228	49	82
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	46.722	23.259	50	137
10	Chi bảo đảm xã hội	4.298	2.249	52	60
11	Chi khác còn lại	4.872	2.501	51	111
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.077</b>		-	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>20.689</b>	<b>14.323</b>	<b>69</b>	<b>156</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		3.773		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	20.689	10.550	51	
<b>C</b>	<b>NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>216</b>		